

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 177/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 28 tháng 01 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bãi bỏ lĩnh vực Hóa chất thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 03/2025/TT-VPCP hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-BCT ngày 18/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính hủy bỏ, bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 03/TTr-SCT ngày 23/01/2026.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bãi bỏ lĩnh vực Hóa chất thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Thanh Nhân**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, BÃI BỎ LĨNH VỰC HOÁ CHẤT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH LẠNG SƠN**

(Kèm theo Quyết định số 177 /QĐ-UBND ngày 28/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (21 TTHC)**

| Số TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính                                | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện  | Cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý  |
|-------|---------------|---|---------------------|---|--|---|
| 1     | 1.0147<br>22  | Cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất            | 10 ngày làm việc    | <p><b>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/phường, xã.</p> <p><b>- Cơ quan thực hiện:</b> Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.</p> | <p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công;</p> <p>- Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích.</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a></p> | <p>- Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.</p> <p>- Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.</p> |
| 2     | 1.0147<br>24  | Cấp lại chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất        | 05 ngày làm việc    |   |  |   |
| 3     | 1.0147<br>26  | Cấp điều chỉnh chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất | 10 ngày làm việc    |   |  |   |

**CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 09+10/ Ngày 12-02-2026**

| Số TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện   | Cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý  |                            |                      |  |
|-------|---------------|--|---------------------|--|--|---|----------------------------|----------------------|--|
| 4     | 1.0147/28     | Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2                        | 16 ngày làm việc    | <p><b>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả:</b><br/>Trung tâm Phục vụ chính công tỉnh/phường, xã.</p> <p><b>- Cơ quan thực hiện:</b><br/>Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.</p> | <p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a></p> | <p>- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;</p> <p>- Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng</p> |                            |                      |  |
| 5     | 1.0147/32     | Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2                      | 16 ngày làm việc    |  |  |   |                            |                      |  |
| 6     | 1.0147/35     | Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2          | 16 ngày làm việc    |  |  |   |                            |                      |  |
| 7     | 1.0147/34     | Cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất kiểm soát đặc biệt nhóm 2            | 5 ngày làm việc     |  |  |   |                            |                      |  |
| 8     | 1.0147/33     | Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 | 16 ngày làm việc    |  |  |   |                            |                      |  |
| 9     | 1.0147/31     | Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2            | 7 ngày làm việc     |  |  |   |                            |                      |  |
| 10    | 1.0147/30     | Cấp lại Giấy phép xuất, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2             | 5 ngày làm việc     |  |  |   |                            |                      |  |
| 11    | 1.0147/29     | Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 | 7 ngày làm việc     |  |  |   |                            |                      |  |
| 12    | 2.0028        | Cấp gia hạn Giấy phép xuất   | 05 ngày làm         |  |  |   | <b>- Cơ quan tiếp nhận</b> | - Tiếp nhận hồ sơ và |  |

**CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 09+10/ Ngày 12-02-2026**

| <b>Số TT</b> | <b>Số hồ sơ TTHC</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>  | <b>Thời hạn giải quyết</b> | <b>Địa điểm thực hiện</b>   | <b>Cách thức thực hiện</b>   | <b>Căn cứ pháp lý</b>  |  |  |                              |
|--------------|----------------------|--|----------------------------|---|--|--|--|--|------------------------------|
|              | 36                   | khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2   | việc                       | <b>và trả kết quả:</b><br>Trung tâm Phục vụ chính công tỉnh/phường, xã.<br><b>- Cơ quan thực hiện:</b><br>Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn. | trả kết quả trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công;<br>- Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích.<br>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> | - Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ;<br><br>- Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương |  |  |                              |
| 13           | 1.0147/27            | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh            | 12 ngày làm việc           |   |  |  |  |  |                              |
| 14           | 1.0147/25            | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh        | 05 ngày làm việc           |   |  |  |  |  |                              |
| 15           | 1.0147/23            | Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh | 12 ngày làm việc           |   |  |  |  |  |                              |
| 16           | 1.0147/21            | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện                                    | 12 ngày làm việc           |   |  |  |  |  |                              |
| 17           | 1.0147/20            | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện                                  | 12 ngày làm việc           |   |  |  |  |  |                              |
| 18           | 1.0147/14            | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện                      | 12 ngày làm việc           |   |  |  |  |  |                              |
| 19           | 2.0028/34            | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh  | 05 ngày làm việc           |   |  |  | <b>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả:</b> | - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp | - Nghị định số 26/2026/NĐ-CP |

**CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 09+10/ Ngày 12-02-2026**

| <b>Số TT</b> | <b>Số hồ sơ TTHC</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>  | <b>Thời hạn giải quyết</b> | <b>Địa điểm thực hiện</b>  | <b>Cách thức thực hiện</b>   | <b>Căn cứ pháp lý</b>   |
|--------------|----------------------|--|----------------------------|--|--|---|
|              |                      | doanh hóa chất có điều kiện  |                            | Trung tâm Phục vụ chính công tỉnh/phường, xã.<br>- <b>Cơ quan thực hiện:</b> Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn. | tại Trung tâm Phục vụ hành chính công;<br>- Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích.<br>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> | ngày 17/01/2026 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương                     |
| 20           | 1.0147<br>10         | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện | 12 ngày làm việc           |  |  |   |
| 21           | 1.0036<br>83         | Thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất                       | 45 ngày làm việc           |  |  | - Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.<br>- Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17/01/2026 của Bộ Công Thương. |

**II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (29 TTHC)**

| Số TT | Tên thủ tục hành chính  | Số thứ tự tại Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh  | Tên VBQPPL quy định bãi bỏ thủ tục hành chính  |
|-------|---|--|--|
| 1     | Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 (1.003820)                             | Số thứ tự 01 đến số thứ tự 20, Tiêu mục IV, Mục B Phần I tại Phụ lục I Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn kèm theo Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Chủ tịch UBND công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất, sửa đổi bổ sung một số điều bởi Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022.</li> <li>- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học.</li> <li>- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.</li> <li>- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương</li> </ul> |
| 2     | Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 (1.003775)                         |  |  |
| 3     | Cấp Điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 (2.001585)                  |  |  |
| 4     | Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (1.003724)                     |  |  |
| 5     | Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 (2.001722)        |  |  |
| 6     | Cấp Điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 (1.004031) |  |  |
| 7     | Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 (2.000431)                 |  |  |
| 8     | Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 (1.012429)             |  |  |
| 9     | Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 (1.012430)      |  |  |
| 10    | Cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa                                | Số thứ tự 01 đến số thứ tự 20, Tiêu  | - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP  |

**CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 09+10/ Ngày 12-02-2026**

| <b>Số TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>   | <b>Số thứ tự tại Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh</b>   | <b>Tên VBQPPL quy định bãi bỏ thủ tục hành chính</b>  |
|--------------|---|--|---|
|              | chất Bảng 1 (1.012431)  | mục IV, Mục B Phần I tại Phụ lục I Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn kèm theo Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Chủ tịch UBND công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn. | ngày 09/10/2017 của Chính phủ.<br>- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ.<br>- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.<br>- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương |
| 11           | Cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 (2.000257)                 |  |   |
| 12           | Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 (1.012432)        |  |   |
| 13           | Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 (1.012433) |  |   |
| 14           | Cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 (1.012434)    |  |   |
| 15           | Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 (1.012438)                      |  |   |
| 16           | Cấp lại Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 (1.012439)                  |  |   |
| 17           | Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 (1.012440)           |  |   |
| 18           | Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (1.012441)                   |  |   |
| 19           | Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (1.012442)               |  |   |
| 20           | Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (1.012443)        |  |   |
| 21           | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa   | Số thứ tự 36 đến số thứ tự 44, Tiêu  | - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP   |

**CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 09+10/ Ngày 12-02-2026**

| <b>Số TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>   | <b>Số thứ tự tại Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh</b>   | <b>Tên VBQPPL quy định bãi bỏ thủ tục hành chính</b>                      |
|--------------|---|--|---|
|              | chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.001547)  | mục XI, Mục A Phần I tại Phụ lục I Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn kèm theo Quyết định số 2377/QĐ-UBND ngày 06/11/2025 của Chủ tịch UBND công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn | ngày 09/10/2017 của Chính phủ.  |
| 22           | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.001175)                      |  | - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ.                |
| 23           | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.001172)               |  | - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.               |
| 24           | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (1.002758)                        |  | - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. |
| 25           | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.001161)                    |  |   |
| 26           | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.000652)             |  |   |
| 27           | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (1.011506)            |  |   |
| 28           | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (1.011507)        |  |   |
| 29           | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (1.011508) |  |   |